

Điều 2: PHƯƠNG TIỆN VÀ CHI PHÍ CHO THUÊ XE:

2.1 Phương tiện cho thuê và chi phí cho thuê cơ bản mỗi tháng:

STT	Loại xe	Số lượng	Chi phí/ xe/ tháng(VND)
1	TOYOTA INNOVA 7 chỗ	01	24.000.000 Hai mươi bốn triệu đồng

2.2 Các chi phí khác:

Trong trường hợp giờ làm việc và số km sử dụng vượt quá điều kiện nêu ở Mục 1.3 và 1.4 trong Điều 1, thì Bên B phải thanh toán thêm phần phụ trội như sau:

- Phí ngoài giờ (trước 7:30 giờ và sau 17:30 giờ) : 60.000 VND/giờ.
- Phí vượt giới hạn km (vượt quá 2.600 km/tháng) : 6.000 VND/ km.
- Phí lưu đêm (áp dụng khi xe đi qua 12h đêm) : 300.000 VND/ đêm.
- Phí tài xế tự lo ăn, nghỉ khi xe lưu đêm : 300.000 VND/ đêm.
- Thuê thêm ngày thứ hai : 1.300.000 VND/ ngày.
- Thuê thêm ngày Lễ, Tết : 1.700.000 VND/ ngày.

(Số km sử dụng vào ngày thứ hai, ngày lễ, tết trong giới hạn 100km/ngày, thời gian từ 7:30 đến 17:30, không bao gồm trong giới hạn số km sử dụng 2.600km/tháng và phải báo trước 3 ngày)

Tất cả các chi phí thuê xe và phụ trội trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%).

2.3 Các khoản bao gồm và không bao gồm:

- Chi phí thuê xe đã bao gồm xe, xăng dầu, bảo hiểm phương tiện và hành khách, lương nhân viên lái xe, và chi phí bảo dưỡng trong suốt quá trình hoạt động.
- Chi phí thuê xe không bao gồm phí cầu đường, bến bãi, bến phà, sân bay khi có phát sinh trong quá trình làm việc. Phí cầu đường sẽ được cộng chung vào chi phí thuê xe và chưa bao gồm thuế.
- Tất cả các chi phí trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%).

2.4 Chi phí biến đổi theo giá xăng dầu của thị trường:

Chi phí thuê xe được tính trên cơ sở giá xăng A95 hiện tại là 21.030 VNĐ/lít. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp giá xăng dầu tăng hoặc giảm nhiều hoặc ít hơn 10% so với giá hiện tại, thì hai bên thỏa thuận, thống nhất và sẽ được Bên A thông báo bằng văn bản đến Bên B điều chỉnh và áp dụng phí thuê cơ bản mỗi tháng cho phù hợp với tình hình thực tế theo công thức sau:

- Mức xăng dầu tiêu thụ cho xe: 100km/13 lít (theo tiêu chuẩn nhà sản xuất và giao thông Việt Nam)
- Giá xăng dầu thời điểm ký hợp đồng đã bao gồm VAT là : A (VNĐ)
- Giá dầu thời điểm hiện tại (tăng/giảm 15%) đã bao gồm VAT là : B (VNĐ)
- Mức chênh lệch giữa giá hiện tại so với trước đó đã bao gồm VAT là : $(B - A) = C$ (VNĐ)
- Số km sử dụng trong tháng là : D
- Công thức tính điều chỉnh giá như sau : $[(D \times 13) \div 100] \times C =$ (VNĐ)

Điều 3: THANH TOÁN:

3.1 Bên B có trách nhiệm đặt cọc cho Bên A số tiền bằng một (01) tháng tiền thuê xe (không bao gồm 10% VAT) là 24.000.000 VNĐ (Hai mươi bốn triệu chẵn) trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng. Số tiền đặt cọc này nhằm đảm bảo bên B có ý định nghiêm túc và phối hợp thực sự trong việc thực hiện hợp đồng. Hết thời hạn hợp đồng, nếu Bên B không yêu cầu tiếp tục gia hạn hợp đồng, số tiền đặt cọc sẽ được áp dụng để thanh toán tiền thuê xe của tháng cuối cùng trước khi hợp đồng chấm dứt mà Bên B phải thanh toán cho Bên A.

3.2 Trong trường hợp Bên B yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải do lỗi của Bên A thì sẽ không được bên A hoàn lại số tiền đã đặt cọc, hoặc ngược lại, trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải hoàn trả lại tiền đặt cọc và bồi thường cho Bên B khoản tiền tương đương với số tiền đã được đặt cọc.

3.3 Trong khoảng thời gian từ ngày 1 đến ngày 3 hàng tháng, dựa trên lịch hoạt động của tháng có chữ ký xác nhận của Bên B, Bên A sẽ thông báo cho Bên B chi phí phát sinh trong tháng cần thanh toán, cùng với việc cung cấp đầy đủ lịch hoạt động, các phiếu thanh toán bao gồm phí cầu đường, bến bãi, bến phà, sân bay v.v... để Bên B kiểm tra, đối chiếu, và thống nhất chi phí phát sinh trong tháng đó. Sau 3 ngày kể từ ngày nhận thông báo chi phí của bên A nếu bên B không có phản hồi thì bên A tự hiểu là bên B đã đồng ý với chi phí thông báo và bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên B.

3.4 Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT cho Bên B theo chi phí phát sinh đã được Bên B xác nhận tại Mục 3.3.

3.5 Bên B có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hoá đơn.

- Nếu sau năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hóa đơn tài chính mà việc thanh toán chưa được thực hiện thì Bên B sẽ phải trả thêm phần lãi suất cho số tiền bên B chưa thanh toán theo tỷ giá của ngân hàng Vietcombank tại thời điểm đó.

- Trong trường hợp Bên B chậm trả tiền thuê xe cho Bên A sau mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hóa đơn tài chính, thì bên A sẽ ngưng cung cấp xe cho Bên B và hợp đồng coi như bị đơn phương chấm dứt do lỗi Bên B, và Bên B phải thanh toán cho bên A tất cả các chi phí phát sinh trong thời gian sử dụng dịch vụ. Số tiền cọc của bên B sẽ không được bên A hoàn trả theo Mục 3.2 Điều 3.

Điều 4: NHÂN VIÊN LÁI XE:

4.1 Nhân viên lái xe phải có kinh nghiệm, tuân thủ giờ giấc, tác phong lịch sự, nhã nhặn, nghiêm túc, trung thực, lái xe an toàn, và chấp hành Luật Giao thông của Việt Nam.

4.2 Nhân viên lái xe phải thông thuộc khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

4.3 Nhân viên lái xe hàng ngày có trách nhiệm ghi lại lịch hoạt động của xe bao gồm thông tin về thời gian bắt đầu làm việc và thời gian kết thúc; chỉ số km đầu ngày (khi nhân viên đầu tiên của Bên B lên xe) và cuối ngày làm việc (khi nhân viên cuối cùng của Bên B xuống xe); lộ trình đã đi trong ngày; số phiếu thanh toán phát sinh trong ngày và tổng chi phí; cùng chữ ký xác nhận của nhân viên cuối cùng xuống xe của Bên B, sau khi đã kiểm tra chi tiết lịch hoạt động đó.

4.4 Nhân viên lái xe có trách nhiệm liên lạc nhanh chóng, kịp thời với Bên B để thông báo tình hình cụ thể trong trường hợp đón muộn vì những lý do khách quan, hoặc bất khả kháng.

4.5 Nhân viên lái xe không được phép tự ý rời khỏi vị trí đậu xe để đi việc riêng, hay quay về văn phòng Bên A, hoặc sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe mà không thông báo và được sự chấp thuận của Bên B.

4.6 Nhân viên lái xe chỉ phục vụ công việc lái xe cho bên B theo như sự thỏa thuận giữa 2 bên và bên B không được sử dụng nhân viên lái xe của bên A cho các việc riêng của bên B.

4.7 Nhân viên lái xe có trách nhiệm đảm bảo phương tiện vận chuyển luôn trong tình trạng vận hành tốt và vệ sinh sạch sẽ.

Điều 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN:

5.1 BÊN A:

- 5.1.1 Có trách nhiệm chuẩn bị và sắp xếp xe theo đúng chủng loại, đời xe đã ký kết trong hợp đồng.
- 5.1.2 Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các giấy tờ, thủ tục pháp lý để phương tiện chuyên chở nêu trên được lưu thông hợp pháp.
- 5.1.3 Có trách nhiệm đảm bảo mọi điều kiện kỹ thuật an toàn khi cho xe lưu thông, và các thiết bị an toàn trong xe luôn trong tình trạng tốt. Bên A sẽ chịu mọi chi phí phát sinh khi xe nêu trên xảy ra bất kỳ sự cố hư hại nào, và thay thế ngay lập tức xe có chất lượng tương đương với giá thuê không đổi, để không làm gián đoạn công việc của Bên B.
- 5.1.4 Có trách nhiệm tham gia đầy đủ bảo hiểm về phương tiện và hành khách theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp xảy ra tai nạn ngoài ý muốn, Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm giải quyết đối với các bên thứ ba, và mức bồi thường sẽ do công ty bảo hiểm chịu trách nhiệm thanh toán căn cứ trên những mức độ tỉ lệ thương tật do Bộ Tài Chính Việt Nam quy định.
- 5.1.5 Chịu tất cả các chi phí bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, và lương tài xế.
- 5.1.6 Đảm bảo xe luôn ở tình trạng sạch sẽ xuyên suốt thời gian hiệu lực hợp đồng.
- 5.1.7 Có trách nhiệm quản lý và nhắc nhở nhân viên lái xe thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng.
- 5.1.8 Có trách nhiệm thông báo cho Bên B trong trường hợp nhân viên lái xe nghỉ ốm hoặc nghỉ việc riêng, và phải bố trí nhân viên lái xe khác đáp ứng đủ các tiêu chuẩn nêu tại Điều 4 nhằm đảm bảo sự liên tục trong công việc cho Bên B.
- 5.1.9 Không chịu trách nhiệm giải quyết hoặc bồi thường trong trường hợp Bên B yêu cầu nhân viên lái xe đi trái với quy định của Luật giao thông đường bộ (nếu có).
- 5.1.10 Có trách nhiệm thực hiện dịch vụ vận chuyển hành khách theo sự sắp xếp theo lịch trình của Bên B.
- 5.1.11 Có trách nhiệm với các hành vi vi phạm giao thông, tự thanh toán các khoản tiền phạt (nếu có).

5.2 BÊN B:

- 5.2.1 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí thuê xe và các chi phí phát sinh theo quy định tại Điều 2 của bản hợp đồng này.
- 5.2.2 Điều động xe và ký xác nhận vào bảng theo dõi lịch hoạt động xe.
- 5.2.3 Trường hợp sử dụng xe qua đêm hoặc vào các ngày thứ hai, lễ, Tết phải báo cho nhân viên lái xe biết trước để chuẩn bị nhiên liệu, tư trang cần thiết, và lập kế hoạch chạy xe.
- 5.2.4 Có quyền yêu cầu Bên A thay đổi nhân viên lái xe trong trường hợp nhân viên lái xe của Bên A không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn nêu tại Điều 4. Yêu cầu này sẽ được thông báo bằng văn bản và sau 3 ngày bên A phải thay đổi nhân viên lái xe cho bên B.
- 5.2.5 Cam kết không dùng xe để đỗ chờ hàng quốc cấm theo quy định của Pháp luật. Nếu bên B vi phạm thì bên B sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 5.2.6 Không được sử dụng xe để vận chuyển hàng hóa cồng kềnh, quá tải, không được phép mang các vật liệu dễ cháy nổ vào phương tiện cho thuê, có thể làm gây thiệt hại cho xe.
- 5.2.7 Giữ gìn vệ sinh bên trong xe trong quá trình sử dụng.
- 5.2.8 Không được điều động tài xế Bên A chạy quá tốc độ, sai quy định của Luật giao thông Việt Nam.
- 5.2.9 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn mọi chi phí thuê xe và phát sinh (nếu có) đúng như thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 6: THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 6.1 Hai bên đồng ý bảo mật các điều khoản của hợp đồng trừ trường hợp có yêu cầu trình theo luật định.

6.2 Trước thời hạn kết thúc hợp đồng ba mươi (30) ngày, hai bên phải thỏa thuận với nhau để gia hạn hay thanh lý hợp đồng.

6.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp, khiếu nại về quyền lợi xảy ra, thì cả hai bên cũng bàn bạc thỏa thuận, đưa đến kết luận thống nhất và giải quyết trên cơ sở thương lượng, tinh thần tôn trọng lẫn nhau và đảm bảo uy tín cho nhau. Trường hợp không giải quyết được tranh chấp, sẽ đưa ra Tòa án Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Phán quyết của tòa án có giá trị chung thẩm và ràng buộc hai bên. Chi phí pháp lý sẽ do bên thua kiện chi trả.

6.4 Hợp đồng gồm 6 Điều và 4 trang, được lập thành bốn (04) bản chính, mỗi bên giữ hai (02) bản, có giá trị pháp lý kể từ ngày ký kết.

6.5 Mọi bản hợp đồng sao y từ bản hợp đồng này, nếu không có ý kiến phê duyệt và chữ ký của người đại diện hai bên đã ký bản hợp đồng này, đều không có giá trị.

BÊN A

BÊN B

**Ông DƯƠNG BÌNH THUẬN
PHÓ GIÁM ĐỐC**